

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 3, TẠI CÔNG TY CP GANG THÉP TN
Khối kiến thức II: Những vấn đề cơ bản về HTCT. Nhà nước pháp luật và
QLHCNN; Đường lối chính sách pháp luật của Đảng, NNVN về các lĩnh vực của
đời sống xã hội

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số BD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
1	Vũ Việt Anh	07/02/1972	1	28	7.5	Bảy rưỡi	
2	Nguyễn Tuấn Anh	11/5/1979	2	15	7.0	Bảy	
3	Nguyễn Thị Quế Anh	20/8/1971	3	04	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Văn Tuấn Anh	05/7/1980	4	16	7.5	Bảy rưỡi	
5	Lê Văn Bảy	15/10/1981	5	64	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Văn Bình	08/02/1966	6	49	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Thị Minh Châu	11/4/1973	7	58	7.0	Bảy	
8	Vũ Đình Chiến	10/5/1969	8	45	7.5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Đức Cường	24/10/1984	9	56	7.0	Bảy	
10	Phạm Minh Cường	26/8/1981	10	54	7.0	Bảy	
11	Nguyễn Mạnh Cường	17/11/1977	11	62	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Thế Cường	16/6/1979	12	39	7.5	Bảy rưỡi	
13	Đàm Viết Dự	23/10/1971	13	43	8.0	Tám	
14	Nguyễn Công Dũng	25/8/1970	14	47	8.0	Tám	
15	Dương Thị Dược	09/5/1969	15	33	7.5	Bảy rưỡi	
16	Bùi Phương Duy	30/01/1980	16	61	8.0	Tám	
17	Nguyễn Khắc Đức	21/6/1971	17	66	7.0	Bảy	
18	Nguyễn Minh Đức	16/9/1980	18	37	7.0	Bảy	
19	Đỗ Trường Giang	21/6/1978	19	57	7.0	Bảy	
20	Dương Thị Giang	08/9/1984	20	65	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số BD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
21	Ngô Hồng Hà	14/9/1982	21	12	7.5	Bảy rưỡi	
22	Vũ Thanh Hà	03/12/1968	22	40	7.0	Bảy	
23	Nguyễn Vũ Hải	25/6/1968	23	59	6.5	Sáu rưỡi	
24	Hoàng Thanh Hải	08/12/1975	24	32	7.5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Văn Hạnh	28/4/1982	25	03	8.0	Tám	
26	Trịnh Xuân Hiệp	15/10/1975	26	60	7.5	Bảy rưỡi	
27	Lê Công Hiếu	20/12/1971	27	38	7.0	Bảy	
28	Trần Thị Thúy Hoàng	19/5/1980	28	21	8.0	Tám	
29	Nguyễn Công Huân	24/9/1973	29	14	7.5	Bảy rưỡi	
30	Phạm Thanh Huân	04/12/1983	30	06	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Quốc Hùng	10/02/1967	31	24	7.5	Bảy rưỡi	
32	Tô Thế Hùng	17/5/1966	32	44	7.5	Bảy rưỡi	
33	Dương Thu Hương	23/12/1988	33	17	7.5	Bảy rưỡi	
34	Lê Viết Huy	19/10/1978	34	18	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Huy Khang	13/6/1984	35	36	8.0	Tám	
36	Lê Vĩnh Khang	16/5/1976	36	29	7.5	Bảy rưỡi	
37	Mai Phan Khương	07/10/1969	37	10	7.0	Bảy	
38	Bùi Tuấn Linh	25/02/1987	38	51	8.0	Tám	
39	Dương Thị Ngọc Linh	22/11/1983	39	53	7.5	Bảy rưỡi	
40	Phạm Thị Loan	20/8/1981	40	20	8.0	Tám	
41	Bùi Văn Lùng	01/7/1977	41	19	8.0	Tám	
42	Vũ Ngọc Lương	15/8/1968	42	34	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Hồng Mai	22/01/1978	43	02	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Thị Tuyết Mai	22/3/1974	44	13	7.5	Bảy rưỡi	
45	Hà Đức Mẫn	03/11/1983	45	27	8.0	Tám	
46	Phạm Khả Miên	21/11/1978	46	09	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số BD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
47	Đặng Quang Minh	10/8/1978	47	63	7.0	Bảy	
48	Tạ Thị Nguyệt Minh	05/10/1984	48	25	8.0	Tám	
49	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/12/1974	49	42	7.5	Bảy rưỡi	
50	Trần Thị Thu Phương	18/3/1980	50	46	7.5	Bảy rưỡi	
51	Đào Ngọc Sơn	01/10/1976	51	48	7.0	Bảy	
52	Lê Minh Sơn	01/4/1968	52	31	7.5	Bảy rưỡi	
53	Bùi Thái Sơn	10/5/1971	53	05	7.0	Bảy	
54	Nguyễn Quý Sửu	30/10/1974	54	50	7.5	Bảy rưỡi	
55	Bùi Văn Tạ	17/11/1977	55	35	7.0	Bảy	
56	Đinh Tiến Tân	31/10/1979	56	55	7.0	Bảy	
57	Cao Văn Tân	17/6/1968	57	22	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Thượng Thạch	11/9/1975	58	23	7.5	Bảy rưỡi	
59	Trịnh Hồng Thái	25/02/1972	59	26	7.5	Bảy rưỡi	
60	Trần Đại Thắng	08/12/1968	60	11	8.0	Tám	
61	Trần Nam Thắng	12/4/1975	61	07	7.5	Bảy rưỡi	
62	Nguyễn Văn Thắng	08/3/1982	62	08	8.0	Tám	
63	Phạm Hồng Thành	03/6/1967	63	41	7.5	Bảy rưỡi	
64	Bùi Trọng Tuấn	26/9/1985	64	52	7.5	Bảy rưỡi	
65	Nguyễn Quang Tùng	07/01/1975	65	30	8.0	Tám	
66	Nguyễn Thế Vinh	03/11/1977	66	01	7.5	Bảy rưỡi	

THƯ KÝ



Nguyễn Phúc Ái

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Văn Nhâm